



SVEZA BIRCH PLYWOOD

SẢN PHẨM VÀ ỨNG
DỤNG

WWW.SVEZA.COM



Đứng đầu thế giới về sản phẩm ván ép gỗ
bạch dương



SVEZA ĐỨNG ĐẦU THẾ GIỚI VỀ SẢN PHẨM VÁN ÉP GỖ BẠCH DƯƠNG

Tập đoàn SVEZA là một công ty Nga, đứng đầu thế giới về thị trường ván ép gỗ bạch dương. Sản phẩm SVEZA được sự tin nhiệm của khách hàng ở 80 quốc gia trên toàn thế giới. Các loại sản phẩm này được sử dụng trong các cao ốc và công trình chào đón Olympic, trong các xe kéo rơ-móc đường dài và trên tàu cao tốc cũng như đồ nội thất thân thiện môi trường và những thiết kế nội thất thời thượng.

Công ty tham gia thị trường Nga từ năm 1998. Suốt chặng đường đó, SVEZA đã nâng cấp sản phẩm của mình với những công nghệ và thiết bị tiên tiến. Sản lượng hàng năm của Tập đoàn SVEZA là 1,4 triệu m³. SVEZA cam kết khai thác tài nguyên rừng một cách có trách nhiệm, được xác nhận bởi các chứng nhận quốc tế FSC TM.

FSC (Forest Stewardship Council®) là một tổ chức độc lập, phi chính phủ, phi lợi nhuận được thành lập để thúc đẩy việc quản lý có trách nhiệm các khu rừng trên thế giới.

SVEZA QUA CÁC CON SỐ



1 461 000 m³

gỗ tấm xuất xưởng hằng năm



100%

Ván mỏng gỗ bạch dương



200+

kích cỡ và độ dày



80

quốc gia nhập khẩu



7

nhà máy

SVEZA — VÁN ÉP GỖ BẠCH DƯƠNG 100%



Độ bền ngoại hạng



Bề mặt chắc chắn



Khả năng chịu tải độc nhất



Các tính chất sản phẩm được giữ nguyên trong phạm vi nhiệt độ từ -40°C đến +50°C (-40°F đến +122°F)



Vân gỗ hấp dẫn



Dễ dàng chế tác

SVEZA REGULAR INTERIOR

SVEZA Regular Interior là vật liệu xây dựng chất lượng cao với độ bền tuyệt vời và bề mặt đẹp. Ván ép SVEZA Regular Interior rất dễ gia công và hoàn toàn phù hợp với vật liệu hoàn thiện. Sản phẩm có khả năng chống nước, tuy nhiên không khuyến khích sử dụng để hoàn thiện ngoại thất. Vật liệu này lý tưởng cho sử dụng nội thất và sản xuất các linh kiện đồ nội thất và đồ chơi.



CÁC LỢI ÍCH CHÍNH

- 01 Bề mặt chắc chắn
- 02 Bề mặt đẹp
- 03 Độ bền ngoại hạng và chống mài mòn
- 04 Có nhiều độ dày và kích cỡ khác nhau

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kích cỡ chuẩn, dài x rộng, mm (ft)	1525x1525 (5x5) 2440/2500x1500/1525 (8x5)
Độ dày, mm	3-25
Phẩm cấp ván mỏng mặt ngoài	I (B, S), II (BB), III (CP), IV (C)
Loại bề mặt	Chà nhám lớp ngoài (S2S), chà nhám một mặt (S1S), không chà nhám (NS)
Phân loại khí thải formaldehyde	E1
Chống nước	Thông thường
Mật độ, kg/m ³	640-700
Hàm lượng ẩm, %	5-14
Dán cạnh	—
Sản xuất theo giấy phép STO 00255177-001-2013 Ván ép thông dụng với mặt ốp ván mỏng gỗ bạch dương.*	

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐỘ BỀN

CHIỀU	ĐỘ DÀY, MM	GIÁ TRỊ	
Độ bền khi uốn tĩnh tối đa, MPa tối thiểu	dọc theo thớ gỗ của mặt ốp ván mỏng	45	
	thẳng góc với thớ gỗ của mặt ốp ván mỏng	30	
Độ bền khi kéo dọc theo thớ gỗ tối đa, MPa tối thiểu	3-8	30	
Mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh, MPa tối thiểu	dọc theo thớ gỗ	Q	5000
	thẳng góc với thớ gỗ		3000

* Để xem thêm về giấy phép STO 00255177-001-2013 vào mục «Giấy chứng nhận» tại trang www.sveza.com.

SVEZA REGULAR EXTERIOR

SVEZA Regular Exterior là ván ép gỗ bạch dương 100% chất lượng cao với độ bền và khả năng chống ẩm cao. SVEZA Regular Exterior duy trì được các đặc tính hiệu năng của nó trong điều kiện độ ẩm cao và không biến dạng hoặc phồng rộp. Nó có thể được sử dụng làm nội thất và cả hoàn thiện ngoại thất.



CÁC LỢI ÍCH CHÍNH

- 01 Khả năng chống nước cao hơn
- 02 Độ bền ngoại hạng và chống mài mòn
- 03 Bề mặt chắc chắn
- 04 Chịu được biến thiên nhiệt độ lớn từ -40 đến +50°C
- 05 Có nhiều độ dày và kích cỡ khác nhau

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kích cỡ chuẩn, dài x rộng, mm (ft)	1525x1525 (5x5) 1220x2440x1220(4x8x4) 1250x2500x1250(4x8x4) 1500/1525x2440/2500 (5x8) 2440/2500x1500/1525 (8x5) 1500/1525x3000/3050 (5x10)
Độ dày, mm	4-40
Phẩm cấp ván mỏng mặt ngoài	I (B, S), II (BB), III (CP), IV (C)
Loại bề mặt	Chà nhám lớp ngoài (S2S), chà nhám một mặt (S1S), không chà nhám (NS)
Phân loại khí thải formaldehyde	E1
Chống nước	Thông thường
Mật độ, kg/m ³	640-700
Hàm lượng ẩm, %	5-14
Dán cạnh	—
Sản xuất theo giấy phép STO 00255177-001-2013 Ván ép thông dụng với mặt ốp ván mỏng gỗ bạch dương.*	

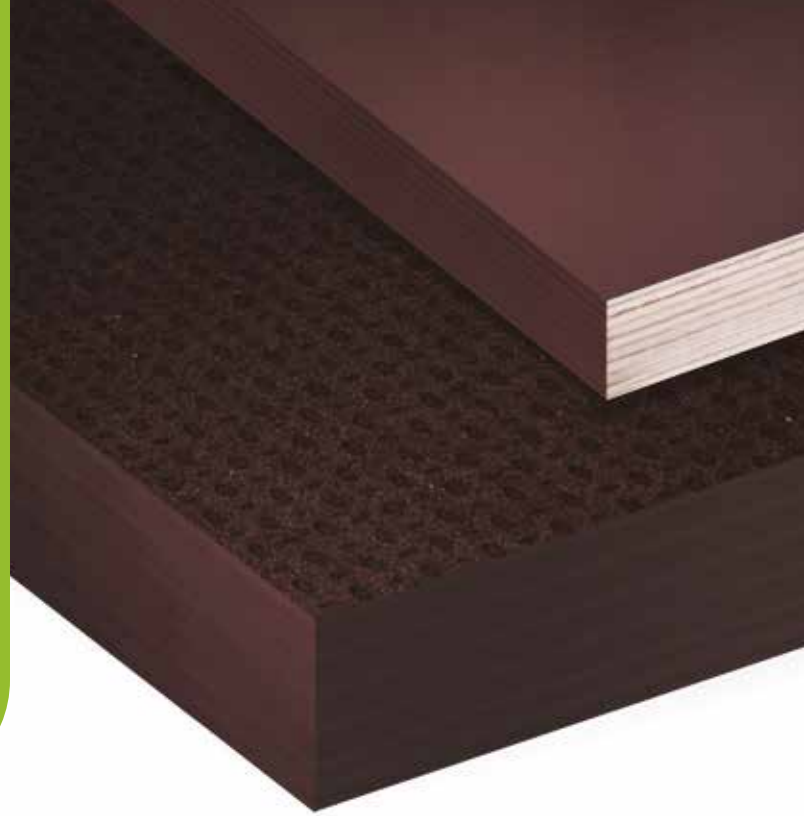
THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐỘ BỀN

CHIỀU		ĐỘ DÀY, MM	GIÁ TRỊ
Độ bền khi uốn tĩnh tối đa, MPa tối thiểu	dọc theo thớ gỗ của mặt ốp ván mỏng	9-40	60
	thẳng góc với thớ gỗ của mặt ốp ván mỏng		30
Độ bền khi kéo dọc theo thớ gỗ tối đa, MPa tối thiểu		3-8	30
Mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh, MPa tối thiểu	dọc theo thớ gỗ	9-40	6000
	thẳng góc với thớ gỗ		3000

* Để xem thêm về giấy phép STO 00255177-001-2013 vào mục «Giấy chứng nhận» tại trang www.sveza.com.

SVEZA REGULAR FILM-FACED

SVEZA Regular Film-faced là ván ép chất lượng cao phủ bằng giấy được xử lý nhựa biến thành màng bảo vệ trong quá trình sản xuất. Nhờ vậy, bề mặt này có khả năng chống nước, mài mòn, chịu được hóa chất và nấm mốc. Ván ép mặt phim có độ bền cao chịu được bê tông, vì vậy nó được sử dụng rộng rãi để làm tấm ván khuôn. Đi kèm với một bề mặt nhẵn hoặc gân lưới. Các cạnh được dán bằng sơn acrylic phân tán trong nước. Được sử dụng rộng rãi trong ngành xây dựng và sản xuất ô tô. Dễ dàng lắp ráp và sử dụng.



CÁC LỢI ÍCH CHÍNH

- 01 Khả năng chống mài mòn cao
- 02 Chống lại hầu hết các môi trường xâm thực, bao gồm cả hóa chất
- 03 Bảo vệ tối đa chống trượt (phim có bề mặt dạng gân lưới)
- 04 Khả năng chống nước cao hơn
- 05 Chịu được biến thiên nhiệt độ lớn từ -40 đến +50°C
- 06 Có nhiều độ dày và kích cỡ khác nhau

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kích cỡ chuẩn, dài x rộng, mm (ft)	1220x2440x1220(4x8x4) 1250x2500x1250(4x8x4) 1500/1525x2440/2500 (5x8) 2440/2500x1500/1525 (8x5) 1500/1525x3000/3050 (5x10)
Độ dày, mm	6-40
Loại bề mặt	Nhẵn (F/F), nhẵn/gân lưới (F/W)
Mật độ phim, g/m ²	120, 220
Phân loại khí thải formaldehyde	E1
Chống nước	Thông thường
Mật độ, kg/m ³	640-700
Hàm lượng ẩm, %	5-14
Dán cạnh	Sơn gốc acrylic chống thấm nước đặc biệt
Sản xuất theo giấy phép STO 002551770022014 Ván ép gỗ bạch dương mặt phim.*	

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐỘ BỀN

CHIẾU		ĐỘ DÀY, MM	GIÁ TRỊ
Độ bền khi uốn tĩnh tối đa, MPa tối thiểu	đọc theo thứ gỗ của mặt ốp ván mỏng	9-40	60
	thẳng góc với thứ gỗ của mặt ốp ván mỏng		30
Độ bền khi kéo dọc theo thứ gỗ tối đa, MPa tối thiểu		6-8	30
Mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh, MPa tối thiểu	đọc theo thứ gỗ	9-40	6000
	thẳng góc với thứ gỗ		3000

* Để xem thêm về giấy phép STO 00255177-001-2013 vào mục «Giấy chứng nhận» tại trang www.sveza.com.

SVEZA DECK 350

"SVEZA Deck 350* là ván ép mặt phim đặc biệt dạng lưới dễ sử dụng, được thiết kế để làm ván khuôn sàn. SVEZA Deck 350 có các mẫu lưới 25, 50 và 100 mm.

Những loại đường lưới này đơn giản hóa việc đánh dấu và cắt ván ép, cũng như đặt cốt thép. Điều này cho phép giảm chi phí lao động tại công trường. Các mặt của SVEZA Deck 350 được phủ một lớp sơn đặc biệt gốc acrylic với khả năng chống nước cao."



CÁC LỢI ÍCH CHÍNH

- 01 Ván ép gỗ bạch dương 100 %
- 02 Dễ dàng cắt và đánh dấu
- 03 Dễ dàng đặt các thanh cốt
- 04 Giảm thời gian làm việc và chi phí nhân công
- 05 Bề mặt chống mài mòn
- 06 Chống ẩm trên các cạnh
- 06 Đóng gói tiện lợi

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kích cỡ chuẩn, dài x rộng, mm (ft)	1220x2440x1220(4x8x4) 1250x2500x1250(4x8x4)
Độ dày, mm	18-21
Loại bề mặt	Nhẵn (F/F)
Mật độ phim, g/m ²	120
Khả năng chống mài mòn của phim, số vòng trong bài kiểm tra mài mòn Taber	350
Phân loại khí thải formaldehyde	E1
Mật độ, kg/m ³	640-700
Hàm lượng ẩm, %	5-14
Dán cạnh	Sơn acrylic gốc nước
Sản xuất theo giấy phép STO 00255177-002-2014 Ván ép gỗ bạch dương mặt phim.**	

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐỘ BỀN

CHIỀU		GIÁ TRỊ
Độ bền khi uốn tĩnh tối đa, MPA tối thiểu	dọc theo thớ gỗ của mặt ốp ván mỏng	60
	thẳng góc với thớ gỗ của mặt ốp ván mỏng	30
Mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh, MPA tối thiểu	dọc theo thớ gỗ	6000
	thẳng góc với thớ gỗ	3000

* Quy trình sản xuất ván ép có lớp lưới đã được cấp bằng sáng chế (đăng ký tại Cục Đăng Ký Quốc Gia Liên Bang Nga mục Mô hình Tiềm ích 20.01.15, bằng sáng chế số #150519).

** Để xem thêm về giấy phép STO 00255177-002-2014 vào mục «Giấy chứng nhận» tại trang www.sveza.com.

SVEZA OIL

SVEZA Oil là ván ép gỗ bạch dương đa năng dùng cho việc đổ bê tông, với số lần tái sử dụng vừa phải (2-5 lần)*. Được sản xuất với Công nghệ Tái chế Dầu**. Các cạnh của SVEZA Oil được bảo vệ khỏi độ ẩm bằng sơn acrylic. Bề mặt được phủ dầu dễ dàng sử dụng. Việc tráng dầu được thực hiện trong các điều kiện có kiểm soát đảm bảo lớp phủ trơn mượt. Sản phẩm phù hợp cho công trình xây dựng thấp tầng.



CÁC LỢI ÍCH CHÍNH

- 01 Dầu được phủ đều trên bề mặt
- 02 2-5 chu kỳ sơn phủ
- 03 Đa dụng, chủ yếu cho việc đổ bê tông
- 04 Chống ẩm trên các cạnh bằng sơn acrylic
- 05 Công nghệ tái chế dầu
- 06 Thông số độ bền cao

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kích cỡ chuẩn, dài x rộng, mm (ft)	1500x750 2500x1250 2240x1220
Độ dày, mm	15, 18, 21
Phẩm cấp ván mỏng mặt ngoài	CP/CP
Loại bề mặt	Không chà nhám
Loại dầu	Dầu chung cất
Loại keo	Ngoại thất (WBP)
Phân loại khí thải formaldehyde	E1
Mật độ, kg/m ³	> 450
Hàm lượng ẩm, %	5-12
Dán cạnh	Sơn acrylic. Nếu các tấm ván được cắt hoặc khoan tại chỗ, các cạnh và lỗ khoan phải được bảo vệ bằng một loại sơn phù hợp.
Sản xuất theo tiêu chuẩn kỹ thuật của giấy phép STO 52654419-012-2018 SVEZA OIL VÁN ÉP GỖ CỨNG.***	

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐỘ BỀN

CHIẾU		GIÁ TRỊ
Độ bền khi uốn tĩnh tối đa, MPa tối thiểu	dọc theo thớ gỗ của mặt ốp ván mỏng	60
	thẳng góc với thớ gỗ của mặt ốp ván mỏng	30
Mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh, MPa tối thiểu	dọc theo thớ gỗ	6000
	thẳng góc với thớ gỗ	3000

* Tuổi thọ của sản phẩm phụ thuộc vào cách xử lý, làm sạch và bảo quản.

** Sản phẩm có thể được sản xuất với dầu đã được tái chế.

*** Để xem thêm về giấy phép STO 52654419-012-2018 vào mục «Giấy chứng nhận» tại trang www.sveza.com.

SVEZA COLOR

Ván ép gỗ bạch dương mặt phim màu sẵn sàng để sử dụng. Chúng tôi cung cấp sản phẩm SVEZA với năm màu sơn: SVEZA Color Xám Nhạt, SVEZA Color Xám Đá, SVEZA Color Vàng, SVEZA Color Nâu Nhạt, SVEZA Color Đen. Thích hợp cho cả công trình nội thất và ngoại thất. Có hai loại bề mặt: cả 2 mặt nhẵn và nhẵn/lưới.



CÁC LỢI ÍCH CHÍNH

- 01 Ván ép gỗ bạch dương 100 %
- 02 Khả năng ổn định tia UV cao
- 03 Đa dụng, chủ yếu cho việc đổ bê tông
- 04 Keo WBP
- 05 Có tính chống trượt (W/F)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kích cỡ chuẩn, dài x rộng, mm (ft)	1220x2440/1250x2500 (4x8) 1500x3000/1525x3050 (5x10)
Độ dày, mm	6-21 (độ dày lên đến 40 mm tùy yêu cầu khách hàng)
Loại bề mặt	Nhẵn/nhẵn (F/F), nhẵn/lưới (F/W)
Màu sắc bề mặt (mật độ phim)	Xám Nhạt (220 g/m ²) Xám Đá (174 g/m ²) Vàng (167 g/m ²) Nâu Nhạt (117 g/m ²) Đen (125 g/m ²)
Loại keo	Ngoại thất (WBP)
Phân loại khí thải formaldehyde	E1
Mật độ, kg/m ³	640-700
Hàm lượng ẩm, %	<= 14
Dán cạnh	Sơn theo yêu cầu
Sản xuất theo giấy phép STO 52654419-006-2018 Ván ép gỗ bạch dương mặt phim.*	

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐỘ BỀN

CHIỀU		ĐỘ DÀY, MM	GIÁ TRỊ
Độ bền khi uốn tĩnh tối đa, MPa tối thiểu	đọc theo thứ gỗ của mặt ốp ván mỏng	9-21	60
	thẳng góc với thứ gỗ của mặt ốp ván mỏng		30
Độ bền khi kéo dọc theo thứ gỗ tối đa, MPa tối thiểu		6-8	30
Mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh, MPa tối thiểu	đọc theo thứ gỗ	9-21	6000
	thẳng góc với thứ gỗ		3000

* Để xem thêm về giấy phép STO 52654419-006-2018 vào mục «Giấy chứng nhận» tại trang www.sveza.com.

SVEZA PAINT

SVEZA Paint là loại ván ép gỗ bạch dương 100%, được thiết kế đặc biệt để sơn. Chúng tôi cung cấp SVEZA Paint với hai màu: nâu nhạt và xám. SVEZA Paint Kraft có thể được sử dụng cho cả công trình nội và ngoại thất, bao gồm trang trí vách và mặt tiền, cửa ra vào và đồ nội thất, thân xe và thiết bị thể thao. SVEZA Paint Kraft cho bạn bề ngoài láng mịn, bền và không bị nứt. SVEZA Paint Grey có bề mặt phù hợp để sử dụng làm nền cho bất kỳ màu sắc nào.



CÁC LỢI ÍCH CHÍNH

- 01 Ván ép gỗ bạch dương 100 %
- 02 Thời gian thi công giảm đi 70%*
- 03 Tiêu thụ tối thiểu vật liệu sơn lót
- 04 Bề mặt hoàn thiện nhẵn
- 05 Thành phẩm bền và không nứt
- 06 Chống chịu thời tiết (SVEZA Paint Grey)**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kích cỡ chuẩn, dài x rộng, mm (ft)	1220x2440/1250x2500 (4x8) 1500x3000/1525x3050 (5x10)
Độ dày, mm	6-21 (độ dày lên đến 40 mm tùy yêu cầu khách hàng)
Loại bề mặt	Nhẵn/nhẵn (F/F)
Màu sắc bề mặt (mật độ phim)	Xám (SVEZA Paint Grey (205 g/m ²)) Nâu nhạt (SVEZA Paint Kraft (214 g/m ²))
Loại keo	Ngoại thất (WBP)
Phân loại khí thải formaldehyde	E1
Mật độ, kg/m ³	640-700
Hàm lượng ẩm, %	5-14
Dán cạnh	Sơn theo yêu cầu
Sản xuất theo giấy phép STO 52654419-006-2018 Ván ép gỗ bạch dương mặt phim.***	

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐỘ BỀN

CHIỀU		ĐỘ DÀY, MM	GIÁ TRỊ
Độ bền khi uốn tĩnh tối đa, MPa tối thiểu	dọc theo thớ gỗ của mặt ốp ván mỏng	9-21	60
	thẳng góc với thớ gỗ của mặt ốp ván mỏng		30
Độ bền khi kéo dọc theo thớ gỗ tối đa, MPa tối thiểu		6-8	30
Mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh, MPa tối thiểu	dọc theo thớ gỗ	9-21	6000
	thẳng góc với thớ gỗ		3000

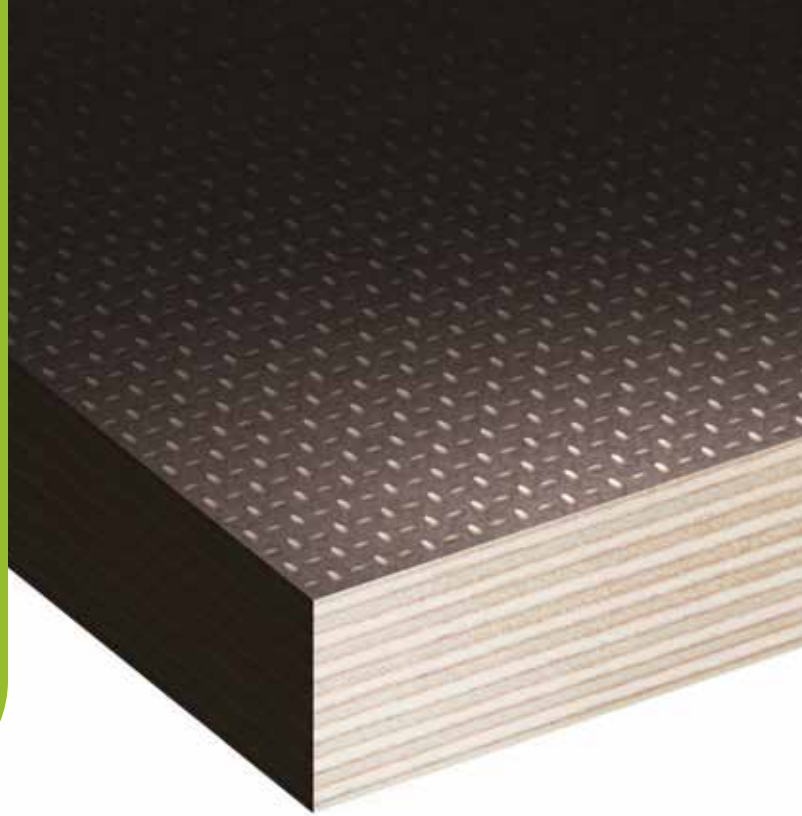
* Do không cần các bước chuẩn bị trước, chiếm tới 70% thời gian sơn. Được xác nhận trong một thử nghiệm với một đơn vị xây dựng sân chơi, Mát-xcơ-va, 2017.

** Chống tia UV.

*** Để xem thêm về giấy phép STO 52654419-006-2018 vào mục «Giấy chứng nhận» tại trang www.sveza.com.

SVEZA TITAN

“SVEZA Titan là loại ván ép gỗ bạch dương 100% chất lượng cao với lớp phủ nhám đặc biệt, mang lại sự an toàn cho con người, bảo quản hàng hóa và độ bền của sàn trong các dòng xe thương mại. SVEZA Titan được phủ một lớp phim độc đáo chứa các hạt corundum, mang đến tính năng chống trượt và chống mài mòn đặc biệt. SVEZA Titan có độ bền cao nhất và cũng có khả năng chịu tải của các bánh xe đẩy.”



CÁC LỢI ÍCH CHÍNH

- 01 Ván ép gỗ bạch dương 100 %
- 02 Khả năng chống mài mòn cao
- 03 Khả năng chống trượt tối đa (R13)
- 04 Chống ẩm cho các cạnh
- 05 Keo WBP

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kích cỡ chuẩn, dài x rộng, mm (ft)	2440x1220x2440/2500x1250x2500 (8x4x8) 1500x3000/1525x3050 (5x10)
Độ dày, mm	6-30 (độ dày lên đến 40 mm tùy yêu cầu khách hàng)
Loại bề mặt	Gân lưới/nhấn (W/F)
Chống mài mòn (theo EN 438-2:2016 (kiểm tra taber)), nhiều hơn, lần xoay	2600
Kiểm tra lăn (theo SFS 3939 (kiểm tra lăn)), không ít hơn, chu kỳ	10000
Chống trượt (theo DIN 51130 (kiểm tra dốc))	R13
Màu sắc bề mặt (mật độ phim)	Đen (125 g/m ²) Nâu đậm (120 g/m ²)
Loại keo	Ngoại thất (WBP)
Phân loại khí thải formaldehyde	E1
Mật độ, kg/m ³	640-700
Hàm lượng ẩm, %	5-14
Dán cạnh	Sơn theo yêu cầu
Sản xuất theo giấy phép STO 52654419-006-2018 Ván ép gỗ bạch dương mặt phim.***	

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐỘ BỀN

CHIỀU		ĐỘ DÀY, MM	GIÁ TRỊ
Độ bền khi uốn tĩnh tối đa, MPa tối thiểu	dọc theo thớ gỗ của mặt ốp ván mỏng	9-30	60
	thẳng góc với thớ gỗ của mặt ốp ván mỏng		30
Độ bền khi kéo dọc theo thớ gỗ tối đa, MPa tối thiểu		3-8	30
Mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh, MPa tối thiểu	dọc theo thớ gỗ	9-30	6000
	thẳng góc với thớ gỗ		3000

* Để xem thêm về giấy phép STO 52654419-006-2018 vào mục «Giấy chứng nhận» tại trang www.sveza.com.

SVEZA HEXA

“SVEZA Hexa là loại ván ép gỗ bạch dương 100% được phủ một lớp phim in hoa văn hình lục giác để lót sàn trong các dòng xe thương mại hạng nhẹ và các ứng dụng khác khi cần tính năng chống trượt, dễ bảo quản và trang trí sàn.”



CÁC LỢI ÍCH CHÍNH

- 01 Ván ép gỗ bạch dương 100 %
- 02 Khả năng chống mài mòn cao (350-600 lần xoay theo tiêu chuẩn EN 438-2:2016)
- 03 Khả năng chống trượt cao (R10)
- 04 Dễ bảo quản
- 05 Nhiều màu để chọn lựa

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kích cỡ chuẩn, dài x rộng, mm (ft)	1500x3000/1525x3050 (5x10)
Độ dày, mm	12-30 (độ dày lên đến 40 mm tùy yêu cầu khách hàng)
Loại bề mặt	Lục giác/nhấn (H/F)
Chống mài mòn (theo EN 4 38-2:2016 (kiểm tra taber)), lần xoay	350-600
Chống trượt (theo DIN 51130 (kiểm tra dốc))	R10
Màu sắc bề mặt (mật độ phim)	Nâu đậm (220 g/m ²) Đen (220 g/m ²) Xám Nhạt (220 g/m ²) Xám Đá (174 g/m ²)
Loại keo	Ngoại thất (WBP)
Phân loại khí thải formaldehyde	E1
Mật độ, kg/m ³	640-700
Hàm lượng ẩm, %	5-14
Sản xuất theo giấy phép STO 52654419-006-2018 Ván ép gỗ bạch dương mặt phim.*	

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐỘ BỀN

CHIẾU		ĐỘ DÀY, MM	GIÁ TRỊ
Độ bền khi uốn tĩnh tối đa, MPa tối thiểu	dọc theo thớ gỗ của mặt ốp ván mỏng	12-30	60
	thẳng góc với thớ gỗ của mặt ốp ván mỏng		30
Mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh, MPa tối thiểu	dọc theo thớ gỗ	12-30	6000
	thẳng góc với thớ gỗ		3000

* Để xem thêm về giấy phép STO 52654419-006-2018 vào mục «Giấy chứng nhận» tại trang www.sveza.com.

SVEZA PARQUET

SVEZA Parquet là ván ép gỗ bạch dương 100% đáp ứng các yêu cầu chính của các nhà sản xuất sàn gỗ kỹ thuật. SVEZA Parquet Standard cho phép nhà sản xuất sàn gỗ giảm thiểu chi phí sản xuất và cung cấp sự ổn định cho các công trình kỹ thuật. Độ bền bám dính vượt trội của SVEZA Parquet Premium (kết quả kiểm tra độ bền bám dính bên trong $\geq 1,75$ MPa) có được là nhờ chỉ sử dụng ván mỏng rắn với số khuyết tật tối thiểu cho cả lớp trong và lớp ngoài.



CÁC LỢI ÍCH CHÍNH

- 01 Ván ép gỗ bạch dương 100 %
- 02 Dung sai độ dày $\pm 0,2$ mm
- 03 Hàm lượng ẩm 5-9%
- 04 Đóng gói phủ phim
- 05 Keo WBP
- 06 Độ bám dính vượt trội (SVEZA Parquet Premium)
- 07 Ván mỏng rắn cho lớp ngoài và lớp trong (SVEZA Parquet Premium)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kích cỡ chuẩn, dài x rộng, mm (ft)	1220x2440/1250x2500 (4x8) 2440x1220/2500x1250 (8x4) 1525x1525 (5x5)
Độ dày, mm	6-21
Phẩm cấp ván mỏng mặt ngoài	PSTCP/CP, PSTCP/C, PPR BB/BB, PPR BB/CP, PPR CP/CP
Loại bề mặt	Chà nhám/chà nhám (S2S)
Phân loại khí thải formaldehyde	E1
Loại keo	Ngoại thất (WBP)
Mật độ, kg/m ³	640-700
Hàm lượng ẩm, %	5-9

Sản xuất theo tiêu chuẩn kỹ thuật của giấy phép STO 52654419-002-2018 VÁN ÉP GỖ BẠCH DƯƠNG SVEZA PARQUET.*

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐỘ BỀN

CHIẾU	ĐỘ DÀY, MM	GIÁ TRỊ
SVEZA Parquet Premium		1,75
Độ bền khi kéo vuông góc bề mặt (Độ bám dính trong), MPa, không ít hơn		
SVEZA Parquet Standard	6-15	
Độ bền khi kéo vuông góc bề mặt (Độ bám dính trong), MPa, không ít hơn		
Độ bền khi cắt xuyên qua các lớp liên kết, N/mm², không ít hơn		1
Độ bền khi uốn tĩnh, N/mm², không ít hơn	dọc theo thớ gỗ lớp ngoài	60
	cắt ngang thớ gỗ lớp ngoài	9-15
Mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh, N/mm², không ít hơn	dọc theo thớ gỗ	6000
	cắt ngang thớ gỗ	3000

* Để xem thêm về giấy phép STO 52654419-002-2018 vào mục «Giấy chứng nhận» tại trang www.sveza.com.

SVEZA LASER

Ván ép gỗ bạch dương 100% được phát triển đặc biệt cho thợ khắc khuôn, đáp ứng các yêu cầu công nghiệp chính. SVEZA Laser Standard tương thích với laser và có các tấm phẳng ổn định. SVEZA Laser Premium mặt màu đồng nhất và ván mỏng lõi với số khuyết điểm tối thiểu, dành cho thợ khắc khuôn luôn đòi hỏi chất lượng cao nhất.



CÁC LỢI ÍCH CHÍNH

- 01 Ván ép gỗ bạch dương 100 %
- 02 Tấm ván phẳng đồng nhất
- 03 Số khuyết điểm tối thiểu trên ván mỏng lõi (SVEZA Laser Premium)
- 04 Ván mỏng mặt ngoài chất lượng cao (SVEZA Laser Premium)
- 05 Dung sai độ dày hẹp
- 06 Tương thích với tia Laser

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kích cỡ chuẩn, dài x rộng, mm (ft)	1525x1525 (5x5) 1220x1525 (4x5)/1250x1525 (4x5) 1 525x1250 (5x4)/1525x1250 (5x4)
Độ dày, mm	3-30 (có cung cấp độ dày đặc biệt theo yêu cầu của khách hàng)
Phẩm cấp ván mỏng mặt ngoài	LST B/B, LST B/BB, LST BB/BB, LST BB/CP , LPR B/B, LPR B/BB, LPR BB/BB
Phân loại khí thải formaldehyde	E1
Loại keo	Keo nội thất nhẹ (INT)
Mật độ, kg/m ³	640-700
Hàm lượng ẩm, %	<= 10
Sản xuất theo giấy phép STO 526544190032018 Ván ép gỗ bạch dương SVEZA LASER.*	

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐỘ BỀN

CHIẾU		ĐỘ DÀY, MM	GIÁ TRỊ
Độ bền khi uốn tĩnh tối đa, MPa tối thiểu	dọc theo thớ gỗ của mặt ốp ván mỏng	9-30	45
	thẳng góc với thớ gỗ của mặt ốp ván mỏng		30
Độ bền khi kéo dọc theo thớ gỗ tối đa, MPa tối thiểu		6-8	30
Mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh, MPa tối thiểu	dọc theo thớ gỗ	9-30	5000
	thẳng góc với thớ gỗ		3000

* Để xem thêm về giấy phép STO 52654419-003-2018 vào mục «Giấy chứng nhận» tại trang www.sveza.com.

SVEZA TOY

SVEZA Toy là ván ép gỗ bạch dương 100% đảm bảo sự an toàn của đồ chơi và đồ nội thất dành cho trẻ em. SVEZA Toy đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn quốc tế đồng thời giúp cho cả đồ chơi và đồ nội thất trẻ em trở nên hấp dẫn và tự nhiên. Ván mỏng phẩm cấp cao của SVEZA Toy rất dễ gia công và sẵn sàng để chà nhám và sơn phủ.



CÁC LỢI ÍCH CHÍNH

- 01 Ván mỏng gỗ bạch dương 100%
- 02 Phẩm cấp cao, dễ chịu, vân gỗ tự nhiên
- 03 Dung sai độ dày cao
- 04 Vật liệu an toàn (CARB ULEF*)
- 05 Ván mỏng mặt ngoài $\geq 0,7$ mm lý tưởng để chà nhám và sơn phủ

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kích cỡ chuẩn, dài x rộng, mm (ft)	1525x1525 (5x5) 1220x1525 (4x5)/1250x1525 (4x5) 1 525x1250 (5x4)/1525x1250 (5x4)
Độ dày, mm	3-30 (có cung cấp độ dày đặc biệt theo yêu cầu của khách hàng)
Phẩm cấp ván mỏng mặt ngoài	T B/B, T B/BB, T BB/BB, T B/CP, T BB/CP, T CP/CP
Phân loại khí thải formaldehyde	E1, CARB ULEF
Loại keo	Keo nội thất nhẹ (INT)
Mật độ, kg/m ³	640-700
Hàm lượng ẩm, %	≤ 10

Sản xuất theo giấy phép STO 526544190052018 Ván ép gỗ bạch dương SVEZA TOY.**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐỘ BỀN

CHIỀU		ĐỘ DÀY, MM	GIÁ TRỊ
Độ bền khi uốn tĩnh tối đa, MPa tối thiểu	dọc theo thớ gỗ của mặt ốp ván mỏng	9-30	45
	thẳng góc với thớ gỗ của mặt ốp ván mỏng		30
Độ bền khi kéo dọc theo thớ gỗ tối đa, MPa tối thiểu		3-8	30
Mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh, MPa tối thiểu	dọc theo thớ gỗ	9-30	5000
	thẳng góc với thớ gỗ		3000

* CARB ATCM § 93120.3 (d) (ULEF) chỉ thị cho ván mỏng SVEZA phẩm cấp FK.

** Để xem thêm về giấy phép STO 52654419-005-2018 vào mục «Giấy chứng nhận» tại trang www.sveza.com.

SVEZA DRAWER

SVEZA Drawer là ván ép gỗ bạch dương 100%, được phát triển đặc biệt để làm ngăn kéo và sản xuất linh kiện đồ nội thất khác cần cắt bằng cưa đĩa, tiện và gia công các cạnh. Độ bám dính tăng cường giúp vật liệu này lý tưởng để tạo ra các mộng đuôi én. Ván mỏng mặt ngoài dày hơn đảm bảo bề mặt tốt nhất để chà nhám và sơn phủ. SVEZA Drawer đảm bảo bề mặt trông tự nhiên nhất.



CÁC LỢI ÍCH CHÍNH

- 01 Ván mỏng gỗ bạch dương 100%
- 02 Miếng vá oval
- 03 Độ bám dính
- 04 Ván mỏng mặt ngoài $\geq 0,7$ mm
- 05 Dung sai độ dày $\pm 0,3$ mm
- 06 Mặt nhẵn hướng lên, chống đả hướng

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kích cỡ chuẩn, dài x rộng, mm (ft)	1525x1525 (5x5) 1220x1525 (4x5)/1250x1525 (4x5) 1 525x1250 (5x4)/1525x1250 (5x4)
Độ dày, mm	3-25
Phẩm cấp ván mỏng mặt ngoài	DR B/B, DR B/BB, DR BB/BB, DR B/CP, DR BB/CP, DR CP/CP
Phân loại khí thải formaldehyde	E1
Loại keo	Keo nội thất nhẹ (INT)
Mật độ, kg/m ³	640-700
Hàm lượng ẩm, %	≤ 10

Sản xuất theo giấy phép STO 526544190032018 Ván ép gỗ bạch dương SVEZE DRAWER.*

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐỘ BỀN

CHIỀU		ĐỘ DÀY, MM	GIÁ TRỊ
Độ bền khi uốn tĩnh tối đa, MPa tối thiểu	đọc theo thớ gỗ của mặt ốp ván mỏng	9-15	45
	thẳng góc với thớ gỗ của mặt ốp ván mỏng		30
Độ bền khi kéo dọc theo thớ gỗ tối đa, MPa tối thiểu		5-8	30
Mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh, MPa tối thiểu	đọc theo thớ gỗ	9-15	5000
	thẳng góc với thớ gỗ		3000

* Để xem thêm về giấy phép STO 52654419-003-2018 vào mục «Giấy chứng nhận» tại trang www.sveza.com.

SVEZA GAS

SVEZA Gas NO96 là ván ép gỗ bạch dương 100% chất lượng cao được sử dụng trong các hệ thống chứa hàng hóa NO96, NO96 L03 & L03 + và Mark III được thiết kế bởi GTT để vận chuyển và lưu trữ LNG (khí hóa lỏng).



CÁC LỢI ÍCH CHÍNH

- 01 Chứng nhận bởi GTT. ván ép gỗ bạch dương 100%
- 02 Chứng nhận bởi DNV, ABS, Lloyd's, Bureau Veritas
- 03 Kiểm soát chất lượng được tăng cường ở mọi giai đoạn sản xuất
- 04 Tính chất độ bền vượt trội
- 05 Mọi kích cỡ từ khổ A4 đến 1525x3050 mm
- 06 Giao hàng đúng hạn

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kích cỡ chuẩn, dài x rộng, mm (ft)	Mọi kích cỡ từ khổ A4 đến 1525x3050 mm
Độ dày, mm	6,5 – 9,2
Phẩm cấp ván mỏng mặt ngoài	BB/BB, BB/WG and WG/WG

CÁC THÔNG SỐ ĐỘ DÀY SVEZA GAS MARK III

chứng nhận bởi M3010 (hệ thống Mark III)

CHIỀU	ĐỘ DÀY, MM	GIÁ TRỊ
Độ bền tối đa khi cắt xuyên qua lớp kết dính, MPa (trong điều kiện ban đầu và sau 3 lần sốc nhiệt), trung bình, MPa	6,5,9,12, 15,21,30	≥3,5
	24,35,92	≥2,5
	Độ bền tối đa khi cắt xuyên qua lớp kết dính, MPa (sau khi nấu sôi), trung bình, MPa	6,5,9,12, 15,21,30, 24,35,92
Độ bền khi uốn tính tối đa, MPa	Theo chiều dọc và chiều ngang	12,18 ≥ 30
	Chiều dọc	30 58
	Chiều ngang	30 50
Giới hạn độ bền khi kéo, trung bình, MPa	Theo chiều dọc và chiều ngang	6,5 40
	Chiều dọc	9,12,15 60
	Chiều ngang	9,12,15 40

CÁC THÔNG SỐ ĐỘ DÀY SVEZA GAS NO96 VÀ NO96 L03 & L03

chứng nhận bởi M3502 (NO96) và M3513 (NO96 L03 & L03+)

CHIỀU	ĐỘ DÀY, MM	GIÁ TRỊ	
Độ bền tối đa khi cắt xuyên qua lớp kết dính, MPa	NO96	6,5-35 ≥1	
	NO96 L03	35-42 ≥1	
	Chiều ngang	6,5-35 ≥ 50	
Độ bền khi uốn tính tối đa, trung bình, MPa		6,5-9 ≥ 80	
		12 ≥ 75	
		15 ≥ 70	
	NO96	Chiều dọc	21 ≥ 65
			24 ≥ 61
			30 ≥ 58
Độ bền nén song song với mặt phẳng kết dính, MPa		35 ≥ 56	
	NO96	35-42 ≥ 28	
	L03		

ỨNG DỤNG CÁC TÒA NHÀ

Ván khuôn sàn

Ván ép: SVEZA Deck 350, SVEZA Oil

Cỡ: 4x8

Độ dày: 18, 21

Bề mặt: F/F

Ván khuôn đứng

Ván Ép: Mặt Phim

Cỡ: 5x10

Độ dày: 18, 21, 24

Bề mặt: F/F

Sản xuất sàn bê tông

Ván Ép: Mặt Phim

Cỡ: 4x8, 5x10

Độ dày: 12, 18, 24

Bề mặt: F/F

Giàn giáo

Ván ép: Ngoại thất, mặt phim

Cỡ: 4x8, 5x10

Độ dày: 12, 15, 18

Phẩm cấp: CP/C

Bề mặt: F/W

Sàn Gỗ Công Nghiệp (cầu thang, khán đài, cầu)

Ván ép: SVEZA Titan

Cỡ: 4x8, 5x8, 5x10

Độ dày: 6-40

Bề mặt: F/W

Nông Trại và các Cấu trúc Nông nghiệp

Ván ép: SVEZA Color Yellow

Cỡ: 5x10

Độ dày: 6-21

Bề mặt: F/F (vách)





ỨNG DỤNG VẬN TẢI

Xe kéo Rơ-moóc & thùng Rơ-moóc

Ván ép: Mặt Phim, SVEZA Titan

Cỡ: 4x8, 5x10, 5x8

Độ dày: 24, 27, 30, 35

Bề mặt: F/W (sàn gỗ)

Toa xe Chở hàng

Ván ép: Ngoại thất, Mặt Phim, SVEZA Titan

Cỡ: 4x8, 5x10, 5 x8

Độ dày: 9, 12, 15, 18, 21, 24, 27

Phẩm cấp: BB/BB, BB/CP, CP/CP (vách, cửa)

Bề mặt: F/W (sàn gỗ), F/F (vách, cửa)

Xe Thương Mại Hạng Nhẹ

Ván ép: Ngoại thất, Mặt Phim, SVEZA Color Light Grey, SVEZA Hexa

Cỡ: 4x8, 5x10, 5 x8

Độ dày: 4, 5, 6, 9, 12, 15, 18

Phẩm cấp: BB/BB, BB/CP, CP/CP (vách, cửa)

Bề mặt: F/W (sàn gỗ), F/F (vách)

Xe Buýt

Ván ép: Ngoại thất, mặt phim

Cỡ: 5x10, 4 x8

Độ dày: 9, 12, 15, 18

Phẩm cấp: CP/C/ (sàn gỗ)

Bề mặt: F/F (vách), F/W (sàn)



ỨNG DỤNG ĐÓNG GỐI HÀNG

Ván ép: Ngoại thất, Nội thất

Cỡ: 5x5, 4x8, 5x10

Độ dày: 6-21

Phẩm cấp: CP/C, C/C



ỨNG DỤNG ĐỒ NỘI THẤT VÀ NỘI THẤT

Ván ép: Ngoại thất, Nội thất, SVEZA Toy, SVEZA Drawer,
SVEZA Paint, SVEZA Color
Cỡ: 5x5, 4x8, 8x4, 5x10
Độ dày: 3-30
Phẩm cấp: B/BB, S/BB, BB/BB, BB/CP, CP/C, C/C



ỨNG DỤNG CẮT LASER

Ván ép: SVEZA Laser

Cỡ: 5x5, 4x5

Độ dày: 3-30

Phẩm cấp: LST B/B, LST B/BB, LST BB/BB, LST BB/CP, LPR
B/B, LPR B/BB, LPR BB/BB



ỨNG DỤNG HỆ THỐNG CHỨA KHÍ HÓA LỎNG

Ván ép: SVEZA Gas

Cỡ: mọi kích cỡ từ khổ A4 đến 1525x3050 mm

Độ dày: SVEZA GAS NO96 (inl. NO96 L03/L03+): 6, 5, 9, 12, 15, 21, 24, 30, 35, 37, 42

SVEZA GAS Mark III: 9, 12, 15, 18, 24, 35, 92

Phẩm cấp: BB/BB, BB/WG và WG/WG



ỨNG DỤNG SÀN GỖ KỸ THUẬT

Ván ép: Ngoại thất, SVEZA Parquet

Cỡ: 4x8, 5x8

Độ dày: 5,9 - 21

Phẩm cấp: PST CP/CP, PST CP/C, PPR BB/BB, PPR BB/CP,
PPR CP/CP



ỨNG DỤNG ĐỒ CHƠI VÀ ĐỒ NỘI THẤT TRẺ EM

Ván ép: Nội thất, Ngoại thất, Mặt Phim, SVEZA Toy, SVEZA Color

Cỡ: 5x5, 4x8

Độ dày: 3, 4, 6, 9, 12, 15, 18

Phẩm cấp: T B/B, T B/BB, T BB/BB, T B/CP, T BB/CP, T CP/CP

Bề mặt: F/F, F/W

SVEZA TRÊN KHẮP THẾ GIỚI

VÁN ÉP SVEZA NỔI TIẾNG Ở TRÊN 80
QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI



CANADA
Tháp Trump



ANH QUỐC
Các địa điểm tổ chức Olympic ở
London



ĐỨC
Xe kéo Rơ-moóc và thùng xe
Schmitz Cargobull



HOA KỲ
Tòa nhà MGM



PANAMA
Công trình Hiện đại hóa
Kênh đào Panama



HOA KỲ
Trung Tâm Thương
Mại Thế Giới ở Boston



HOA KỲ
Hệ thống acoustic của
Harman Audio



CHILE
Đại học Adolfo
Ibacez



HOA KỲ
Đồ nội thất của hãng
Jonti-Craft



THỤY ĐIỂN
Đóng gói hàng công nghiệp Nefab



NGA
Các địa điểm tổ chức Olympic Sochi 2014



NGA
Trung tâm Thương mại Thành phố Mát-xcơ-va



NGA
Xe thương mại hạng nhẹ ST Nizhegorodets



KUWAIT
Tòa tháp Al Hamra



OMAN
Nhà hát Opera Hoàng gia



Ý
Sản phẩm sàn gỗ của Listone Giordano



TRUNG QUỐC
Đồ chơi HAPE cho IKEA



Ý
Tàu cao tốc Bellotti



HÀN QUỐC
Đồ nội thất Daeboong



NAM PHI
Các địa điểm tổ chức FIFA World Cup 2010

THÔNG TIN KỸ THUẬT

SỐ LƯỢNG TẤM VÀ THỂ TÍCH KIỆN HÀNG

CHIỀU CAO KIỆN HÀNG, MM

Độ dày danh nghĩa của ván ép, mm		
3	130	200
4	100	150
5	80	120
6	65	100
6,5	62	92
8	50	75
9	44	67
10	40	60
12	33	50
15	26	40
18	22	33
21	19	29
24	16	25
27	14	22
30	12	20
35	11	17
40	10	15

DUNG SAI KÍCH CỠ

Độ dài hoặc độ rộng của tấm ván ép, mm	Dung sai, mm
1220, 1250	±3,0
1500, 1525	±4,0
2440, 2500	±4,0
3000, 3050	±5,0

Các kích cỡ khác cũng được cung cấp khi có yêu cầu đặc biệt. Chiều dài của tấm ván ép được xác định dọc theo thớ gỗ của lớp ngoài.

KHOẢNG CÁCH TỪ CÁC NHÀ MÁY SVEZA ĐẾN MÁT-XCƠ-VA

Nhà máy ván ép	Khoảng cách, km
SVEZA Ust-Izhora, St. Petersburg	685
SVEZA Kostroma, Kostroma	412
SVEZA Novator, vùng Vologda	1024
SVEZA Uralskiy, lãnh thổ Perm	1411
SVEZA Manturovo, vùng Kostroma	671
SVEZA Verhnaya Sinyachih, vùng Sverdlovsk	1474
SVEZA Tyumen	1710

DUNG SAI

VÁN ÉP QUA CHÀ NHÁM

VÁN ÉP CHƯA CHÀ NHÁM

Độ dày danh nghĩa của ván ép, mm	Số lớp ép	Dung sai, mm	Sai số đo đạt tối đa, mm	Dung sai, mm	Sai số đo đạt tối đa, mm
3	3	+0,3; -0,4		+0,4; -0,3	0,6
4	3	+0,3; -0,5		+0,8; -0,4	
5	4/5	+0,4; -0,5		+0,8; -0,4	
6	5	+0,4; -0,5		+0,9; -0,4	
6,5	5	+0,4; -0,5		+0,9; -0,4	1,0
8	6/7	+0,4; -0,5		+1,0; -0,5	
9	7	+0,4; -0,6	0,6	+1,0; -0,5	
10	7/8	+0,5; -0,6		+1,0; -0,5	
12	9	+0,5; -0,7		+1,1; -0,6	
15	11	+0,6; -0,8		+1,2; -0,7	
18	13	+0,7; -0,9		+1,3; -0,8	1,5
21	15	0,0; -1,1		+1,0; -1,1	
24	17	0,0; -1,5		+1,0; -1,5	
27	19	0,0; -1,8		+1,5; -1,8	
30	21	0,0; -2,0	1,0	+1,6; -2,0	2,0
35	25	0,0; -2,0		+1,6; -2,0	
40	28/29	+1,2; -1,2		+1,6; -2,0	

Độ dày danh nghĩa của ván ép, mm

NĂNG LỰC VẬN TẢI

Cỡ, ft	CONTAINER			XE TẢI		Ô TÔ RAY (138 M ³)	
	Chiều cao kiện hàng, mm	Số kiện hàng	Thể tích, m ³	Số kiện hàng	Thể tích, m ³	Số kiện hàng	Thể tích, m ³
5x5	400	40	36-37	32	30	62-82	58-75
4x8x4 (1250x2500x1250 mm) Ván ép Ngoại thất	400	29-30	36-37	24	30	60-74	75-92
4x8x4 (1220x2440x1220 mm) Ván ép Ngoại thất	400	30-31	36-37	25	30	60-74	71-88
4x8x4 (1250x2500x1250 mm) Ván ép Mặt Phim	400	28-29	35-36,5	23-24	29-30	60-74	75-92
4x8x4 (1220x2440x1220 mm) Ván ép Mặt Phim	400	29-30	35-36	24	29	60-74	71-88
5x8x5	400	25	38	20	30	48	70
	600	—	—	13	30	—	—
5x10	400	19	35	16	30	34	60
	600	—	—	11	30	—	—

Tiêu chuẩn về sức tải thực tế có thể khác với tiêu chuẩn ban đầu tùy thuộc vào các điều khoản đã thỏa thuận với khách hàng.





Đứng đầu thế giới về sản phẩm
ván ép gỗ bạch dương

WWW.SVEZA.COM
THÁNG 5 2019